

Số: 07/2021/QĐST-DS

Cẩm Phả, ngày 15 tháng 12 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 07 tháng 12 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 22/2021/TLST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V (V).

- Địa chỉ trụ sở: Số 89 L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội. Người đại diện tham gia tố tụng: Ông **Nguyễn Huy Ph** - Chuyên viên xử lý nợ của Ngân hàng TMCP Việt Nam V (V); Địa chỉ: V – Chi nhánh Quảng Ninh - số 12, đường phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; (Theo văn bản uỷ quyền số 2076/2021/UQ-LCC-KHCN2 ngày 04/8/2021 của (V))

Bị đơn: Bà **Vũ Thị Mến** - sinh năm 1967; Nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú: Tổ 103, khu A, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Quá trình ký kết Hợp đồng vay và Hợp đồng thế chấp giữa bà Vũ Thị Mến và (V) như sau:

-Hợp đồng cho vay số LN19011611200075 ngày 21/01/2019, Khế ước nhận nợ lần 1/Số LN19011611200075 ngày 21/01/2019, Số tiền vay: 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng);

-Hợp đồng cho vay số LN1904221354132 ngày 23/04/2019, số tiền vay: 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng chẵn)

-Khoản vay theo Hợp đồng thế tín dụng số 138-P-6063452 mở ngày

25/04/2019, Hạn mức thế: 2.600.000 đồng (Bằng chữ: Hai triệu sáu trăm nghìn đồng);

-Tài sản bảo đảm cho các khoản vay nêu trên là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số 32; Tờ bản đồ số: 107; Địa chỉ thửa đất: Tổ 103, khu A, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh theo “Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số BQ 580577, Sổ vào sổ cấp GCN: CH000093 do UBND thành phố C, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 24/06/2016. Tài sản được thế chấp tại (V) theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LN1901161200075 ngày 18/01/2019, Số công chứng: 598, quyền số 01.2019.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 18/01/2019 tại Văn phòng công chứng Quảng Ninh; Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 23/04/2019, Số công chứng: 3354; quyền số 01.2019.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/04/2019 tại Văn phòng công chứng Quảng Ninh và Văn bản thỏa thuận thế chấp tài sản trên đất ngày 18/01/2019 giữa (V) và bà Vũ Thị M để thu hồi nợ cho (V).

2.2. Tính đến hết ngày 07/12/2021 tổng số tiền bà Vũ Thị M còn nợ (V) là: 250.444.811 đồng. Trong đó: Nợ gốc là: 182.669.127 đồng; Nợ lãi là: 62.063.274 đồng; Phạt chậm trả lãi là: 5.712.410 đồng.

(Cụ thể tại các hợp đồng vay như sau:

+ *Khoản vay theo Hợp đồng cho vay số LN19011611200075 ngày 21/01/2019, Khế ước nhận nợ lần 1/Số LN19011611200075 ngày 21/01/2019, số tiền còn nợ (V) là: 125.258.731 đồng. Trong đó: Nợ gốc là: 91.999.985 đồng; Nợ lãi là: 30.325.813 đồng; Phạt chậm trả lãi là: 2.932.933 đồng.*

+ *Khoản vay theo Hợp đồng cho vay số LN1904221354132 ngày 23/04/2019, số tiền còn nợ (V) là: 121.347.684 đồng. Trong đó: Nợ gốc là: 90.185.000 đồng; Nợ lãi là: 28.383.207 đồng; Phạt chậm trả lãi là: 2.779.477 đồng.*

+ *Khoản vay theo Hợp đồng thế tín dụng số 138-P-6063452 mở ngày 25/04/2019, số tiền còn nợ (V) là: 3.838.396 đồng. Trong đó: Nợ gốc là: 484.142 đồng; Nợ lãi là: 3.354.254 đồng.)*

2.3. Bà Vũ Thị M tiếp tục trả lãi phát sinh tính từ ngày 08/12/2021 cho đến khi bà M trả hết nợ cho V, lãi xuất theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng giữa bà Vũ Thị M và (V).

2.4. Hết ngày 03/3/2022 bà Vũ Thị M không trả hết nợ cho (V) thì (V) có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LN1901161200075 ngày 18/01/2019, Số công chứng: 598, quyền số 01.2019.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 18/01/2019 tại Văn phòng công chứng Quảng Ninh; Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 23/04/2019, Số công chứng: 3354; quyền số 01.2019.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/04/2019 tại Văn phòng công chứng Quảng Ninh và văn bản thỏa thuận thế chấp tài sản trên đất ngày

18/01/2019 giữa V và bà Vũ Thị M để thu hồi nợ cho V.

2.5.Trường hợp số tiền phát mại tài sản không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì bà Vũ Thị M vẫn phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng TMCP V– (V) cho đến khi các khoản nợ được tất toán.

2.6. Chi phí tố tụng:

-Án phí: Các bên thống nhất thỏa thuận bà Vũ Thị M là người nộp án phí dân sự sơ thẩm, nên bà Vũ Thị M là người nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 6.261.000đồng (*Sáu triệu hai trăm sáu mươi một nghìn đồng*); Trả lại Ngân hàng TMCP Việt Nam V – (V) số tiền tạm ứng án phí là 6.067.300đồng (*Sáu triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn ba trăm đồng*) mà Ngân hàng TMCP V – (V) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số: 0005025 ngày 03/11/2021 của Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

- Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: đương sự không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS ND TP Cẩm Phả;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
- Cơ quan THA dân sự TP Cẩm Phả;
- Lưu hồ sơ vụ án

THẨM PHÁN

Đặng Thị Minh Nga